TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14/3/2024
"V/v Ly hôn"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 419/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

-***Nguyên đơn:*** Chị Ma Thị T, sinh năm 1996. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai: có mặt.

-***Bị đơn*****:** Anh Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1992. Nơi cư trú: thôn 2, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (T) và anh Nguyễn Mạnh D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, nhưng không đăng ký kết hôn mà đến ngày 09/10/2020, tôi với anh D mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đồng thời được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán địa phương. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài, đến tháng 5 năm 2022 thì mâu thuẫn gay gắt nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, anh D thường chửi bới, xúc phạm tôi. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Các thủ tục tố tụng được giao hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Mạnh D, tuy nhiên anh D đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D; về con chung: đương sự không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: nguyên đơn chị Ma Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:***

Chị Ma Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D. Đây là quan hệ *"Ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh D được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần 2, nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Mạnh D là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:*** Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Chị Ma Thị T và anh Nguyễn Mạnh D có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/10/2020, được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án nên hôn nhân giữa chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ, xác định: chị T và anh D chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài và gay gắt, do không duy trì được cuộc sống chung nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Ma Thị T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

-*Về con chung:* Theo lời khai của nguyên đơn chị T xác định chị T và anh D không có con chung nên đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn chị Ma Thị T phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Lương Hà L nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000110 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh D.

2. Về con chung: Các đương sự không có con chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Ma Thị T phải chịu 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000[đ] (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do bà Lương Hà L nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000110 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-UBND xã Y, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.